

Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai
(trước đây là Công ty TNHH Hưng Thịnh Lợi Gia Lai)

Báo cáo tài chính riêng

Vào ngày 17 tháng 11 năm 2025 và
cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 17 tháng 11 năm 2025



Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai
(trước đây là Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai)

NỘI DUNG

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 44

Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai
(trước đây là Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai)

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (trước đây là Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai) ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp ("GCNĐKDN") số 5901046432, do Sở Tài chính (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư) Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu vào ngày 12 tháng 10 năm 2016 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Vào ngày 18 tháng 11 năm 2025, Công ty đã chuyển đổi hình thức sở hữu từ công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên thành công ty cổ phần theo GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 17 do Sở Tài chính Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 18 tháng 11 năm 2025.

Vào ngày 17 tháng 11 năm 2025, Công ty có một (1) công ty con trực tiếp và ba (3) công ty con gián tiếp.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là kinh doanh cây ăn trái, vật tư, máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; và dịch vụ nông nghiệp.

Công ty có trụ sở chính tọa lạc tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 19 tháng 11 năm 2025
Bà Nguyễn Thị Mơ	Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 19 tháng 11 năm 2025
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 11 năm 2025
Bà Hồ Thị Kim Chi	Thành viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 11 năm 2025
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 11 năm 2025
Ông Nguyễn Ngọc Mai	Thành viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 11 năm 2025
Ông Thủy Ngọc Dũng	Thành viên	miễn nhiệm ngày 19 tháng 11 năm 2025
Bà Lê Thị Liễu	Thành viên	miễn nhiệm ngày 19 tháng 11 năm 2025

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Mơ	Trưởng Ban	bổ nhiệm ngày 19 tháng 11 năm 2025
Bà Lê Trương Y Trâm	Thành viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 11 năm 2025
Ông Nguyễn Duy Lâm	Thành viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 11 năm 2025

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Giám đốc
Bà Đoàn Thị Nguyên Nguyên	Phó Giám đốc
Bà Lâm Thị Kiều Chinh	Phó Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Bà Võ Thị Mỹ Hạnh.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

(trước đây là Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai)

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (trước đây là Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai) ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 17 tháng 11 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 17 tháng 11 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 17 tháng 11 năm 2025 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty là có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 17 tháng 11 năm 2025 đề ngày 16 tháng 4 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Võ Thị Mỹ Hạnh
Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 16 tháng 4 năm 2026



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 13874542/69345289

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai
(trước đây là Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai)

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (trước đây là Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai) ("Công ty") được lập vào ngày 16 tháng 4 năm 2026 và được trình bày từ trang 5 đến trang 44, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 17 tháng 11 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 17 tháng 11 năm 2025 và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 17 tháng 11 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 17 tháng 11 năm 2025, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 2.6 của báo cáo tài chính riêng. Kỳ kế toán hiện hành áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng là từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 17 tháng 11 năm 2025 (là ngày cuối cùng Công ty hoạt động dưới hình thức sở hữu là công ty trách nhiệm hữu hạn). Trong khi đó, kỳ kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày dữ liệu tương ứng là từ ngày 1 tháng 1 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024. Theo đó, dữ liệu tương ứng của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng có liên quan là không so sánh được với dữ liệu của kỳ kế toán hiện tại.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1588-2023-004-1

Nguyễn Minh Thanh
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 5559-2025-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 16 tháng 4 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 17 tháng 11 năm 2025

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 17 tháng 11 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		5.499.126.980	3.581.513.523
110	I. Tiền	4	120.196.815	124.118.705
111	1. Tiền		120.196.815	124.118.705
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		5.246.405.713	3.374.446.675
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	346.005.578	702.089.086
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	186.430.960	901.827.741
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	2.436.021.902	1.518.876.967
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	2.461.486.037	435.191.645
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9	(183.538.764)	(183.538.764)
140	III. Hàng tồn kho	10	100.715.439	59.488.767
141	1. Hàng tồn kho		100.715.439	59.488.767
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		31.809.013	23.459.376
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		317.433	5.463.811
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	15	31.028.490	17.991.184
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	463.090	4.381
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		636.905.634	670.546.072
210	I. Khoản phải thu dài hạn		-	31.549.263
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	-	31.549.263
220	II. Tài sản cố định		45.594.212	50.403.327
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	45.594.212	50.403.327
222	Nguyên giá		67.288.023	67.288.023
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(21.693.811)	(16.884.696)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		2.445.851	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		2.445.851	-
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	12	588.037.500	588.037.500
251	1. Đầu tư vào công ty con		272.796.500	272.796.500
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		316.391.000	316.391.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(1.150.000)	(1.150.000)
260	V. Tài sản dài hạn khác		828.071	555.982
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		828.071	555.982
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		6.136.032.614	4.252.059.595

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 17 tháng 11 năm 2025

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 17 tháng 11 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		4.861.225.422	3.350.681.150
310	I. Nợ ngắn hạn		3.422.323.965	2.434.423.822
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	950.356.421	625.223.800
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	117.307.854	37.183.618
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	23.296	122.348
314	4. Phải trả người lao động		398.757	611.208
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	26.447.734	12.409.060
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	332.123.843	148.389.658
320	7. Vay ngắn hạn	18	1.995.666.060	1.610.484.130
330	II. Nợ dài hạn		1.438.901.457	916.257.328
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	16	44.842.152	37.593.807
337	2. Phải trả dài hạn khác	17	4.875.082	160.178.087
338	3. Vay dài hạn	18	1.389.184.223	718.485.434
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.274.807.192	901.378.445
410	I. Vốn chủ sở hữu	19.1	1.274.807.192	901.378.445
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.685.000.000	1.285.000.000
421	2. Lỗ lũy kế		(410.192.808)	(383.621.555)
421a	- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước		(383.621.555)	(276.001.738)
421b	- Lỗ kỳ này		(26.571.253)	(107.619.817)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		6.136.032.614	4.252.059.595


Trần Bửu Kiều
Người lập


Nguyễn Đình Tình
Kế toán trưởng




Võ Thị Mỹ Hạnh
Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 16 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 17 tháng 11 năm 2025

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 17 tháng 11 năm 2025 ("Kỳ này")	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 ("Kỳ trước")
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	2.258.947.115	2.359.708.253
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	(22.474.516)	(52.902.476)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	2.236.472.599	2.306.805.777
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21	(1.872.548.382)	(1.937.714.531)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		363.924.217	369.091.246
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	216.604.617	185.193.613
22	7. Chi phí tài chính	22	(249.774.578)	(184.543.156)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(239.344.987)	(167.981.904)
25	8. Chi phí bán hàng	23	(336.301.381)	(324.865.344)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(12.154.721)	(139.239.995)
30	10. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		(17.701.846)	(94.363.636)
31	11. Thu nhập khác	24	903.326	2.131.035
32	12. Chi phí khác	24	(9.772.733)	(14.502.407)
40	13. Lỗ khác	24	(8.869.407)	(12.371.372)
50	14. Tổng lỗ kế toán trước thuế		(26.571.253)	(106.735.008)
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	-	(884.809)
60	16. Lỗ sau thuế TNDN		(26.571.253)	(107.619.817)



Trần Bửu Kiều
Người lập

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 16 tháng 4 năm 2026


Nguyễn Đình Tinh
Kế toán trưởng




Võ Thị Mỹ Hạnh
Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 17 tháng 11 năm 2025

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Lỗ kế toán trước thuế		(26.571.253)	(106.735.008)
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	11	4.809.115	5.519.828
03	Dự phòng		-	131.579.718
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(27.554.756)	(15.870.479)
05	Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư		(187.238.292)	(168.442.248)
06	Chi phí lãi vay và phát hành trái phiếu	22	239.344.987	167.981.904
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		2.789.801	14.033.715
09	Giảm các khoản phải thu		145.799.572	72.742.315
10	Tăng hàng tồn kho		(43.672.523)	(19.185.857)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		462.706.485	(434.973.489)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		4.874.289	(5.052.428)
14	Tiền lãi vay đã trả		(228.973.353)	(250.959.525)
15	Thuế TNDN đã nộp	26.1	-	(884.809)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		343.524.271	(624.280.078)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm TSCĐ		-	(180.584)
23	Tiền chi cho vay		(2.126.733.610)	(121.356.979)
24	Tiền thu hồi cho vay		320.000.000	-
27	Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi		17.452.055	33.630.457
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(1.789.281.555)	(87.907.106)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 17 tháng 11 năm 2025

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	19.3	100.000.000	-
33	Tiền thu từ đi vay	18	5.771.828.424	5.104.563.947
34	Tiền trả nợ gốc vay	18	(4.429.993.030)	(4.275.866.801)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.441.835.394	828.697.146
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(3.921.890)	116.509.962
60	Tiền đầu kỳ	4	124.118.705	7.608.743
70	Tiền cuối kỳ	4	120.196.815	124.118.705


Trần Bửu Kiều
Người lập


Nguyễn Đình Tình
Kế toán trưởng



Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 16 tháng 4 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 17 tháng 11 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 17 tháng 11 năm 2025

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (trước đây là Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai) ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp ("GCNĐKDN") số 5901046432, do Sở Tài chính (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư) Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu vào ngày 12 tháng 10 năm 2016 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Vào ngày 18 tháng 11 năm 2025, Công ty đã chuyển đổi hình thức sở hữu từ công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên thành công ty cổ phần theo GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 17 do Sở Tài chính Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 18 tháng 11 năm 2025.

Vào ngày 17 tháng 11 năm 2025, Công ty có một (1) công ty con trực tiếp và ba (3) công ty con gián tiếp với chi tiết như sau:

<i>Tên công ty</i>	<i>Trụ sở</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết (%)</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>
(1) Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Champasak, Lào	Đang hoạt động	100,00	100,00
(2) Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	100,00	100,00
(3) Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao Bolaven	Champasak, Lào	Đang hoạt động	100,00	100,00
(4) Công ty TNHH Một thành viên Phát triển Nông nghiệp Souk Houng Heang	Champasak, Lào	Đang hoạt động	100,00	100,00

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là kinh doanh cây ăn trái, vật tư, máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; và dịch vụ nông nghiệp.

Công ty có trụ sở chính tọa lạc tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 17 tháng 11 năm 2025 là 38 (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 38).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty đã chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp từ công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên thành công ty cổ phần vào ngày 18 tháng 11 năm 2025 theo GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 17 do Sở Tài chính Tỉnh Gia Lai cấp. Do đó, theo quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), khi chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp, Công ty phải tiến hành lập báo cáo tài chính riêng theo các hướng dẫn được trình bày ở *Thuyết minh số 3.1*.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong *Thuyết minh số 1* và *Thuyết minh số 12.1*. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 17 tháng 11 năm 2025 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 16 tháng 4 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 17 tháng 11 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 17 tháng 11 năm 2025

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này, kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 và kết thúc ngày 17 tháng 11 năm 2025 (là ngày cuối cùng Công ty hoạt động dưới hình thức sở hữu là công ty trách nhiệm hữu hạn).

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND. Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 17 tháng 11 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 17 tháng 11 năm 2025

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.6 Thông tin so sánh

Công ty đã chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp từ công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên thành công ty cổ phần vào ngày 18 tháng 11 năm 2025 theo GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 17 do Sở Tài chính Tỉnh Gia Lai cấp.

Kỳ kế toán hiện hành áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng là từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 17 tháng 11 năm 2025 (là ngày cuối cùng Công ty hoạt động dưới hình thức sở hữu là công ty trách nhiệm hữu hạn). Trong khi đó, kỳ kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày dữ liệu tương ứng là từ ngày 1 tháng 1 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024. Theo đó, dữ liệu tương ứng trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng có liên quan là không so sánh được với dữ liệu của kỳ kế toán hiện tại do khác biệt về kỳ kế toán.

2.7 Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 99 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính và sẽ áp dụng Thông tư 99 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Nguyên tắc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng khi chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp

Theo Thông tư 200, khi chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp, Công ty phải tiến hành lập và trình bày báo cáo tài chính riêng theo các nguyên tắc sau:

- ▶ Đối với bảng cân đối kế toán riêng: toàn bộ số dư tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 được trình bày trong cột số đầu kỳ. Cột số cuối kỳ trình bày số dư tại ngày 17 tháng 11 năm 2025 (ngày cuối cùng trước khi chuyển đổi hình thức sở hữu); và
- ▶ Đối với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng: số liệu lũy kế từ ngày 1 tháng 1 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 được trình bày trong cột kỳ trước. Số liệu lũy kế kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 17 tháng 11 năm 2025 (kỳ kế toán cuối cùng trước khi chuyển đổi hình thức sở hữu) được trình bày trong cột kỳ này.

3.2 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dư phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 17 tháng 11 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 17 tháng 11 năm 2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường dựa trên giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và hàng hóa - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các loại hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc thiết bị	3 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 năm
Thiết bị quản lý	5 - 24 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 17 tháng 11 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 17 tháng 11 năm 2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán riêng. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động phát sinh trong kỳ.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

- ▶ Công cụ, dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn; và
- ▶ Các khoản chi phí trả trước khác.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 17 tháng 11 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 17 tháng 11 năm 2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Trái phiếu phát hành

Trái phiếu thường

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.14 Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp được ghi nhận vào ngày góp vốn theo số tiền thực tế đã góp trừ đi chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 17 tháng 11 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 17 tháng 11 năm 2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện, trừ đi các khoản giảm giá, chiết khấu và các khoản thuế không hoàn lại.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 17 tháng 11 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 17 tháng 11 năm 2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải ghi giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

	Ngàn VND	
	Ngày 17 tháng 11 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Tiền mặt	84.757	732
Tiền gửi ngân hàng	120.112.058	124.117.973
TỔNG CỘNG	120.196.815	124.118.705

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 17 tháng 11 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 17 tháng 11 năm 2025

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Ngày 17 tháng 11 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
	Ngàn VND	
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh ("TM") số 27)	259.252.030	633.788.808
Phải thu các bên thứ ba	86.753.548	68.300.278
- Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Đăk Ram	30.658.793	-
- Công ty Cổ phần Cá nước ngọt Gia Lai	12.458.731	7.072.561
- Khác	43.636.024	61.227.717
TỔNG CỘNG	346.005.578	702.089.086
Dự phòng phải thu ngắn hạn khách hàng khó đòi (TM số 9)	(111.848.134)	(111.848.134)
GIÁ TRỊ THUẦN	234.157.444	590.240.952

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngày 17 tháng 11 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
	Ngàn VND	
Trả trước cho các bên liên quan (TM số 27)	166.596.088	898.403.598
Trả trước cho người bán	19.834.872	3.424.143
TỔNG CỘNG	186.430.960	901.827.741

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Ngày 17 tháng 11 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
	Ngàn VND	
Cho vay các bên liên quan (TM số 27) (i)	1.229.391.265	1.512.246.330
Cho vay các bên thứ ba	1.206.630.637	6.630.637
- Công Ty Cổ phần Phú Quý Gia Lai	1.200.000.000	-
- Ông Nguyễn Kim Luân	6.616.437	6.616.437
- Khác	14.200	14.200
TỔNG CỘNG	2.436.021.902	1.518.876.967

(i) Đây là các khoản cho các bên liên quan vay có tài sản đảm bảo có thời hạn hoàn trả trong năm 2026 và hưởng lãi suất 7,68 - 8,75%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 17 tháng 11 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 17 tháng 11 năm 2025

8. PHẢI THU KHÁC

	Ngân VND	
	Ngày 17 tháng 11 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngắn hạn		
Phải thu từ Hợp đồng Hợp tác kinh doanh ("HTKD") (*)	1.178.000.000	-
Cần trừ công nợ	714.682.235	3.347.985
Phải thu lãi cho vay	291.980.947	179.601.296
Phải thu cổ tức từ bên liên quan	246.940.000	246.940.000
Phải thu lãi từ Hợp đồng HTKD	23.590.753	-
Tạm ứng cho nhân viên	6.174.602	5.180.401
Phải thu khác	117.500	121.963
TỔNG CỘNG	2.461.486.037	435.191.645
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi (TM số 9)	(71.690.630)	(71.690.630)
GIÁ TRỊ THUẦN	2.389.795.407	363.501.015
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu ngắn hạn các bên liên quan (TM số 27)	1.619.686.961	426.413.300
Phải thu ngắn hạn các bên khác	841.799.076	8.778.345
Dài hạn		
Lãi cho vay	-	31.549.263
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu dài hạn các bên liên quan (TM số 27)	-	31.549.263

(*) Đây là khoản góp vốn theo các Hợp đồng HTKD nhằm phát triển dự án trồng cà phê Arabica và dâu tằm tại Tỉnh Gia Lai, Việt Nam, và các Tỉnh Champasak, Tỉnh Attapeu, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào với các công ty với chi tiết như sau:

- Hợp đồng HTKD số 01/2025/HĐHTKD/HTL-CNGL ngày 24 tháng 7 năm 2025 với Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Gia Lai, bên liên quan, với giá trị là 295.000.000 ngàn VND, nhằm phát triển dự án trồng 200 hecta cà phê Arabica và 300 hecta dâu tằm tại Huyện Mang Yang và Huyện Đăk Pơ, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Hợp đồng HTKD không yêu cầu thành lập pháp nhân mới và lãi sẽ được thanh toán một lần cùng thời điểm hoàn trả số tiền góp vốn quy định.
- Hợp đồng HTKD số 02/2025/HĐHTKD/HTL-GSLP ngày 24 tháng 7 năm 2025 với Công ty Cổ phần Gia Súc Lơ Pang, bên liên quan, với giá trị là 326.000.000 ngàn VND, nhằm phát triển dự án trồng 500 hecta cà phê Arabica tại Huyện Đăk Đoa và Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Hợp đồng HTKD không yêu cầu thành lập pháp nhân mới và lãi sẽ được thanh toán một lần cùng thời điểm hoàn trả số tiền góp vốn quy định.
- Hợp đồng HTKD số 03/2025/HĐHTKD/HTL-BLV ngày 24 tháng 7 năm 2025 với Công ty Cổ phần Thủy sản Cá Tầm Bolaven, bên liên quan, với giá trị là 180.000.000 ngàn VND, nhằm phát triển dự án trồng 350 hecta cà phê Arabica tại Huyện Paksong, Tỉnh Champasak, Lào. Hợp đồng HTKD không yêu cầu thành lập pháp nhân mới và lãi sẽ được thanh toán một lần cùng thời điểm hoàn trả số tiền góp vốn quy định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 17 tháng 11 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 17 tháng 11 năm 2025

8. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

- Hợp đồng HTKD số 04/2025/HĐHTKD/HTL-NNPQ ngày 24 tháng 7 năm 2025 với Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Phú Quý Gia Lai với giá trị là 377.000.000 ngàn VND, nhằm phát triển dự án trồng 600 hecta dâu tằm tại Huyện Saysettha, Tỉnh Attapeu, Lào. Hợp đồng HTKD không yêu cầu thành lập pháp nhân mới và lãi sẽ được thanh toán một lần cùng thời điểm hoàn trả số tiền góp vốn quy định.

9. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 17 tháng 11 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Dự phòng các khoản phải thu (TM số 5)	111.848.134	111.848.134
Dự phòng các khoản phải thu khác (TM số 8)	71.690.630	71.690.630
TỔNG CỘNG	183.538.764	183.538.764

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	Ngàn VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu kỳ	183.538.764	51.959.046
Cộng: Dự phòng lập trong kỳ	-	159.232.894
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	(27.653.176)
Số cuối kỳ	183.538.764	183.538.764

10. HÀNG TỒN KHO

	Ngàn VND	
	Ngày 17 tháng 11 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Hàng hóa	99.738.511	58.151.255
Nguyên vật liệu	976.928	1.184.201
Thành phẩm	-	153.311
TỔNG CỘNG	100.715.439	59.488.767

Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai
(trước đây là Công ty TNHH Hưng Thịnh Lợi Gia Lai)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 17 tháng 11 năm 2025
và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 17 tháng 11 năm 2025

B09-DN

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Ngàn VND
Nguyên giá					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	36.025.558	30.170.157	1.020.475	71.833	67.288.023
Phân loại lại	96.966	(271.566)	138.600	36.000	-
Vào ngày 17 tháng 11 năm 2025	36.122.524	29.898.591	1.159.075	107.833	67.288.023
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	266.417	224.826	15.575	71.832	578.650
Giá trị khấu hao lũy kế					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	(7.943.635)	(8.242.432)	(632.219)	(66.410)	(16.884.696)
Khấu hao trong kỳ	(2.257.063)	(2.376.867)	(158.623)	(16.562)	(4.809.115)
Phân loại lại	(51.450)	93.800	(42.350)	-	-
Vào ngày 17 tháng 11 năm 2025	(10.252.148)	(10.525.499)	(833.192)	(82.972)	(21.693.811)
Giá trị còn lại					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	28.081.923	21.927.725	388.256	5.423	50.403.327
Vào ngày 17 tháng 11 năm 2025	25.870.376	19.373.092	325.883	24.861	45.594.212

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 17 tháng 11 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 17 tháng 11 năm 2025

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 17 tháng 11 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Đầu tư vào công ty con (TM số 12.1)	272.796.500	272.796.500
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (TM số 12.2)	316.391.000	316.391.000
TỔNG CỘNG	589.187.500	589.187.500
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(1.150.000)	(1.150.000)
GIÁ TRỊ THUẦN	588.037.500	588.037.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 17 tháng 11 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 17 tháng 11 năm 2025

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngân VND			
	Ngày 17 tháng 11 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán	506.965.425	506.965.425	622.089.667	622.089.667
- Công ty Cổ phần Thương Mại Đầu tư Phát triển Do Holdings	369.839.158	369.839.158	483.792.111	483.792.111
- Phải trả đối tượng khác	137.126.267	137.126.267	138.297.556	138.297.556
Phải trả cho các bên liên quan (TM số 27)	443.390.996	443.390.996	3.134.133	3.134.133
TỔNG CỘNG	950.356.421	950.356.421	625.223.800	625.223.800

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngân VND	
	Ngày 17 tháng 11 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Nhận ứng trước từ bên liên quan (TM số 27)	114.055.250	22.579.664
Nhận ứng trước của khách hàng	3.252.604	14.603.954
- Công ty TNHH Thực phẩm Taiwang Trịnh Châu	2.233.325	2.233.325
- Công ty TNHH Fruitsco	-	8.484.911
- Khác	1.019.279	3.885.718
TỔNG CỘNG	117.307.854	37.183.618

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngân VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 17 tháng 11 năm 2025
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	17.991.184	177.214.304	(164.176.998)	31.028.490
Khác	4.381	2.499.258	(2.040.549)	463.090
TỔNG CỘNG	17.995.565	179.713.562	(166.217.547)	31.491.580
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	147.153.225	(147.153.225)	-
Thuế thu nhập cá nhân	17.335	174.226	(168.265)	23.296
Các loại thuế khác	105.013	2.337.760	(2.442.773)	-
TỔNG CỘNG	122.348	149.665.211	(149.764.263)	23.296

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 17 tháng 11 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 17 tháng 11 năm 2025

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngày 17 tháng 11 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
<i>Ngân VND</i>		
Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	24.827.964	9.908.592
Chi phí hoạt động	1.619.770	2.500.468
	26.447.734	12.409.060
Dài hạn		
Chi phí lãi vay	44.842.152	37.593.807
TỔNG CỘNG	71.289.886	50.002.867
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên liên quan (TM số 27)</i>	<i>44.845.502</i>	<i>37.593.807</i>
- Ngắn hạn	3.350	-
- Dài hạn	44.842.152	37.593.807
<i>Phải trả các bên thứ ba</i>	<i>26.444.384</i>	<i>12.409.060</i>

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	Ngày 17 tháng 11 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
<i>Ngân VND</i>		
Ngắn hạn		
Cần trừ công nợ	324.929.347	141.462.734
Phải trả ngắn hạn khác	7.194.496	6.926.924
	332.123.843	148.389.658
Dài hạn		
Cần trừ công nợ	4.875.082	160.178.087
TỔNG CỘNG	336.998.925	308.567.745
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên liên quan (TM số 27)</i>	<i>324.929.347</i>	<i>141.462.734</i>
<i>Phải trả các bên thứ ba</i>	<i>12.069.578</i>	<i>167.105.011</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 17 tháng 11 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 17 tháng 11 năm 2025

18. VAY

	Ngân VND	
	Ngày 17 tháng 11 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngắn hạn		
Vay ngắn hạn từ ngân hàng (TM số 18.1)	1.950.909.524	1.599.484.130
Vay đơn vị khác	-	11.000.000
Vay dài hạn từ đơn vị khác đến hạn trả (TM số 18.3)	41.756.536	-
Vay dài hạn bên liên quan đến hạn trả (TM số 18.2 và 27)	3.000.000	-
	1.995.666.060	1.610.484.130
Dài hạn		
Trái phiếu thường trong nước (TM số 18.4)	987.184.223	-
Vay các bên liên quan (TM số 18.2 và 27)	402.000.000	705.000.000
Vay đơn vị khác (TM số 18.3)	-	13.485.434
	1.389.184.223	718.485.434
TỔNG CỘNG	3.384.850.283	2.328.969.564

Chi tiết tình hình tăng (giảm) các khoản vay trong kỳ như sau:

	Ngân VND		
	Ngắn hạn	Dài hạn	Tổng cộng
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	1.610.484.130	718.485.434	2.328.969.564
Vay trong kỳ	4.771.828.424	1.000.000.000	5.771.828.424
Cần trừ công nợ	26.861.102	-	26.861.102
Chuyển đổi khoản vay thành vốn chủ sở hữu (TM số 19.3)	-	(300.000.000)	(300.000.000)
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	-	(12.815.777)	(12.815.777)
Phân loại lại	15.335.434	(15.335.434)	-
Trả nợ gốc vay	<u>(4.428.843.030)</u>	<u>(1.150.000)</u>	<u>(4.429.993.030)</u>
Ngày 17 tháng 11 năm 2025	<u>1.995.666.060</u>	<u>1.389.184.223</u>	<u>3.384.850.283</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 17 tháng 11 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 17 tháng 11 năm 2025

18. VAY (tiếp theo)

18.1 Các khoản vay ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngân VND	
	Ngày 17 tháng 11 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk	1.299.996.383	999.928.129
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội	453.250.000	459.557.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Gia Lai	197.663.141	139.999.001
TỔNG CỘNG	1.950.909.524	1.599.484.130

Tên ngân hàng	Số tiền (Ngân VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp
---------------	--------------------	-------------------------------------	------------------	------------------

Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk

Khoản vay 1	<u>1.299.996.383</u>	Từ ngày 19 tháng 1 năm 2026 đến ngày 25 tháng 4 năm 2026	7,7 - 8,2	156.930.000 cổ phiếu Công ty thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("HAG") - Công ty mẹ; 5.785.000 cổ phần Công ty thuộc sở hữu của bà Lê Thị Liễu; 5.785.000 cổ phần Công ty thuộc sở hữu của ông Trần Quan Dũng; 39.323.900 cổ phần Công ty Cổ phần Lê Me thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Gia Lai; 345.032.600 cổ phần Công ty Cổ phần Lê Me thuộc sở hữu của HAG; 8.876.100 cổ phần Công ty Cổ phần Lê Me thuộc sở hữu của Công ty.
-------------	----------------------	--	-----------	---

Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai
(trước đây là Công ty TNHH Hưng Thịnh Lợi Gia Lai)

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 17 tháng 11 năm 2025
và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 17 tháng 11 năm 2025

18. VAY (tiếp theo)

18.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội				
Khoản vay 1	453.250.000	Từ ngày 29 tháng 11 năm 2025 đến ngày 25 tháng 3 năm 2026	8,3 - 9,3	Tài sản gắn liền với đất nằm trên thửa đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ("GCNQSDĐ") số BY 440741 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai;
				Tài sản gắn liền với đất là vườn cây theo GCNQSDĐ số BY 440735 và công trình nông nghiệp theo GCN số DD 782896, Xã Lơ Pang, Huyện Mang Yang, Tỉnh Gia Lai;
				Tài sản gắn liền với đất theo Giấy phép sử dụng đất nhà nước ("GPSĐĐNN") số 889/TNMT thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khản Xay;
				Tài sản gắn liền với đất theo GPSĐĐNN số 104/TNMT thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Hoàn Thịnh Attapeu;
				Tài sản gắn liền với đất là vườn cây theo GCNQSDĐ số BY 440736, BY 440744 và công trình nông nghiệp theo GCNQSDĐ số DD 782897, DD 782898 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Gia Lai;
				Tài sản gắn liền với đất theo GPSĐĐNN số 483/STNMT và 0097/TNMT;
				Thư bảo lãnh của ông Đoàn Nguyên Đức ngày 13/07/2023.

Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai
(trước đây là Công ty TNHH Hưng Thịnh Lợi Gia Lai)

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 17 tháng 11 năm 2025
và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 17 tháng 11 năm 2025

18. VAY (tiếp theo)

18.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Gia Lai				
Khoản vay 1	197.663.141	Từ ngày 19 tháng 12 năm 2025 đến ngày 17 tháng 5 năm 2026	8,7	28.500.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Ông Đoàn Nguyên Đức.

18.2 Vay dài hạn từ các bên liên quan

Các khoản vay dài hạn từ các bên liên quan chủ yếu cho mục đích hỗ trợ vốn lưu động cho Công ty:

Bên liên quan	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	400.000.000	Ngày 24 tháng 4 năm 2029	7,675	Tín chấp
Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai	5.000.000	Từ ngày 17 tháng 4 2026 đến ngày 17 tháng 11 năm 2026	5,0	Tín chấp
TỔNG CỘNG	405.000.000			

Trong đó:
Vay dài hạn 402.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả 3.000.000

Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai
(trước đây là Công ty TNHH Hưng Thịnh Lợi Gia Lai)

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 17 tháng 11 năm 2025
và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 17 tháng 11 năm 2025

18. VAY (tiếp theo)

18.3 Vay dài hạn từ các công ty khác

Khoản vay dài hạn từ công ty khác chủ yếu cho mục đích hỗ trợ vốn lưu động cho Công ty:

Đối tượng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Phú Quý Gia Lai	29.421.102	Ngày 16 tháng 10 năm 2026	10,0	Tín chấp
Công ty Cổ phần Tổng hợp PC	12.335.434	Ngày 12 tháng 4 năm 2026	7,95	Tín chấp
TỔNG CỘNG	41.756.536			
Trong đó:				
Vay dài hạn	-			
Vay dài hạn đến hạn trả	41.756.536			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 17 tháng 11 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 17 tháng 11 năm 2025

18. VAY (tiếp theo)

18.4 Trái phiếu thường trong nước

Chi tiết của trái phiếu này được trình bày như sau:

<i>Tổ chức thu xếp phát hành</i>	<i>Giá trị Ngàn VND</i>
Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS ("OCBS") (i)	1.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	(15.360.000)
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	2.544.223
TỔNG CỘNG	987.184.223
<i>Trong đó:</i>	
<i>Vay dài hạn trái phiếu</i>	<i>987.184.223</i>

- (i) Vào ngày 8 tháng 8 năm 2025, Công ty đã phát hành 10.000 trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và có bảo lãnh thanh toán với tổng giá trị 1.000 tỷ VND (mệnh giá 100 triệu đồng/ trái phiếu).

Các trái phiếu này được hoàn trả sau ba (3) năm kể từ ngày phát hành với lãi suất cố định 10,5%/năm và được mua lại một lần vào ngày đáo hạn.

Tổng số tiền thu từ đợt phát hành này được sử dụng để phát triển các dự án trồng trọt cà phê Arabica và dâu tằm ở Gia Lai, Việt Nam và Champasak, Attapeu, Lào. Các trái phiếu này được đảm bảo bằng:

- (1) 188.300.000 cổ phiếu của HAG thuộc sở hữu của ông Đoàn Nguyên Đức;
- (2) 156.930.000 cổ phần của Công ty thuộc sở hữu của HAG;
- (3) 5.785.000 cổ phần của Công ty thuộc sở hữu của bà Lê Thị Liễu;
- (4) 5.785.000 cổ phần của Công ty thuộc sở hữu của ông Trần Quang Dũng;
- (5) Quyền sở hữu và khai thác tài sản gắn liền trên đất với tổng diện tích là 97,7 hecta của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay;
- (6) Quyền sở hữu và khai thác tài sản gắn liền trên đất với tổng diện tích là 150 hecta của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp và Tơ tằm Bolaven;
- (7) Quyền sở hữu và khai thác tài sản gắn liền trên đất với tổng diện tích là 30,774 hecta của Công ty TNHH Nông nghiệp CNC Bolaven;
- (8) Quyền sở hữu và khai thác tài sản gắn liền trên đất với tổng diện tích là 150 hecta của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Souk Hong Heang.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 17 tháng 11 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 17 tháng 11 năm 2025

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Lỗi lũy kế	Ngàn VND Tổng cộng
Năm trước			
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2024	1.285.000.000	(276.001.738)	1.008.998.262
Lỗi thuần trong năm	-	(107.619.817)	(107.619.817)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	1.285.000.000	(383.621.555)	901.378.445
Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 17 tháng 11 năm 2025			
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2025	1.285.000.000	(383.621.555)	901.378.445
Tăng vốn trong kỳ (*)	400.000.000	-	400.000.000
Lỗi thuần trong kỳ	-	(26.571.253)	(26.571.253)
Vào ngày 17 tháng 11 năm 2025	1.685.000.000	(410.192.808)	1.274.807.192

(*) Theo Nghị quyết Hội đồng thành viên số 131/25/NQ-HĐTV-HTL vào ngày 13 tháng 10 năm 2025, Công ty đã chấp thuận việc thay đổi vốn điều lệ từ 1.285.000.000 ngàn VND lên 1.685.000.000 ngàn VND. Tại ngày 22 tháng 10 năm 2025, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 16 do Sở Tài chính Tỉnh Gia Lai phê duyệt cho việc tăng vốn trên.

19.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Theo GCNĐKDN		Ngày 17 tháng 11 năm 2025
	Vốn điều lệ đã đăng ký (Ngàn VND)	% sở hữu	Vốn điều lệ đã góp (Ngàn VND)
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	1.569.300.000	93,14	1.569.300.000
Ông Thủy Ngọc Dũng	57.850.000	3,43	57.850.000
Bà Lê Thị Liễu	57.850.000	3,43	57.850.000
TỔNG CỘNG	1.685.000.000	100,00	1.685.000.000

19.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Kỳ này	Ngàn VND Kỳ trước
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu kỳ	1.285.000.000	1.285.000.000
Vốn góp bằng tiền trong kỳ	100.000.000	-
Vốn góp bằng chuyển đổi khoản vay bên liên quan trong kỳ (TM số 18 và 27)	300.000.000	-
Số cuối kỳ	1.685.000.000	1.285.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 17 tháng 11 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 17 tháng 11 năm 2025

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này	Ngàn VND Kỳ trước
Tổng doanh thu	2.258.947.115	2.359.708.253
Trong đó:		
Doanh thu bán trái cây	1.342.442.005	1.026.884.467
Doanh thu bán hàng hóa	787.151.783	1.178.094.316
Doanh thu khác	129.353.327	154.729.470
Các khoản giảm trừ doanh thu	(22.474.516)	(52.902.476)
Giảm giá hàng bán	(22.474.516)	(52.902.476)
Doanh thu thuần	2.236.472.599	2.306.805.777
Trong đó:		
Doanh thu bán trái cây	1.319.967.489	973.981.991
Doanh thu bán hàng hóa	787.151.783	1.178.094.316
Doanh thu khác	129.353.327	154.729.470
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên liên quan (TM số 27)	832.367.848	1.159.049.695
Doanh thu đối với bên thứ ba	1.404.104.751	1.147.756.082

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Ngàn VND Kỳ trước
Lãi cho vay	163.514.438	168.385.342
Lãi từ Hợp đồng HTKD	23.590.753	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	29.366.325	16.751.365
Khác	133.101	56.906
TỔNG CỘNG	216.604.617	185.193.613
Trong đó:		
Doanh thu từ các bên liên quan (TM số 27)	131.639.142	163.879.115
Doanh thu từ các bên thứ ba	84.965.475	21.314.498

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Kỳ này	Ngàn VND Kỳ trước
Giá vốn trái cây đã bán	996.450.434	685.049.330
Giá vốn hàng hóa đã bán	696.687.293	1.106.818.462
Giá vốn khác	179.410.655	145.846.739
TỔNG CỘNG	1.872.548.382	1.937.714.531

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 17 tháng 11 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 17 tháng 11 năm 2025

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Ngàn VND Kỳ trước
Chi phí lãi vay	239.344.987	167.981.904
Phí cam kết cấp tín dụng	10.237.443	16.369.578
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	192.148	191.674
TỔNG CỘNG	249.774.578	184.543.156

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này	Ngàn VND Kỳ trước
Chi phí bán hàng		
Chi phí vận chuyển	146.033.323	106.518.435
Chi phí dụng cụ bán hàng	117.524.631	149.686.458
Chi phí dịch vụ mua ngoài	63.562.992	55.784.943
Chi phí lương nhân viên	4.383.217	7.006.205
Chi phí khấu hao và hao mòn	3.810.650	4.371.699
Chi phí khác	986.568	1.497.604
	336.301.381	324.865.344
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.466.377	3.482.320
Chi phí lương nhân viên	3.993.014	3.852.559
Chi phí dự phòng	-	131.579.718
Chi phí khác	695.330	325.398
	12.154.721	139.239.995
TỔNG CỘNG	348.456.102	464.105.339

24. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ này	Ngàn VND Kỳ trước
Thu nhập khác		
Thu nhập từ bán phế liệu	125.792	-
Hàng khuyến mãi được tặng	-	1.956.387
Khác	777.534	174.648
	903.326	2.131.035
Chi phí khác		
Chi phí khấu hao tài sản không sử dụng	1.287.825	3.275.240
Các khoản phạt	68.083	3.153.513
Khác	8.416.825	8.073.654
	9.772.733	14.502.407
LỖ KHÁC THUẦN	(8.869.407)	(12.371.372)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 17 tháng 11 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 17 tháng 11 năm 2025

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

		Ngàn VND
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí hàng hóa	1.844.002.847	1.906.554.394
Chi phí dịch vụ mua ngoài	350.462.441	342.202.084
Chi phí nhân viên	8.376.231	11.346.098
Chi phí khấu hao (TM số 11)	4.809.115	5.519.828
Chi phí dự phòng	-	131.579.718
Khác	13.353.850	4.617.748
TỔNG CỘNG	2.221.004.484	2.401.819.870

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng của Công ty có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

		Ngàn VND
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	-	884.809
TỔNG CỘNG	-	884.809

26.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. (Lỗ tính thuế) thu nhập chịu thuế khác với (lỗ) lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh riêng vì (lỗ tính thuế) thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 17 tháng 11 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 17 tháng 11 năm 2025

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lỗ kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Kỳ này	Ngàn VND Kỳ trước
Tổng lỗ kế toán trước thuế	(26.571.253)	(106.735.008)
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	(5.314.251)	(21.347.002)
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	1.335.375	2.426.334
Điều chỉnh liên quan đến Nghị định số 20/2025/ND-CP	8.068.501	-
Chênh lệch tạm thời chưa ghi nhận thuế hoãn lại	(4.089.625)	19.012.737
Khác	-	(92.069)
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	-	884.809
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	884.809
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	-	-
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	-	(884.809)
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	-	-

26.2 Lỗ thuế chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 121.477.279 ngàn VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 134.350.538 ngàn VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 17 tháng 11 năm 2025	Không được chuyển lỗ	Ngàn VND Chưa chuyển lỗ tại ngày 17 tháng 11 năm 2025
2022	2027	22.992.019	(12.873.259)	-	10.118.760
2024 (*)	2029	111.358.519	-	-	111.358.519
TỔNG CỘNG		134.350.538	(12.873.259)	-	121.477.279

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ thuế nói trên do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 17 tháng 11 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 17 tháng 11 năm 2025

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.3 Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định

Công ty được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định chưa được trừ khi tính thuế TNDN cho năm hiện tại ("chi phí lãi vay chưa được trừ") sang năm sau khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ của năm sau. Thời gian chuyển chi phí lãi vay sang năm sau được tính liên tục không quá năm (5) năm kể từ sau năm phát sinh khoản chi phí lãi vay chưa được trừ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản chi phí lãi vay chưa được trừ lũy kế có thể sử dụng trong tương lai như sau:

		Ngàn VND			
Năm phát sinh	Có thể được chuyển thành chi phí lãi vay được trừ thuế đến năm	Chi phí lãi vay chưa được trừ thuế phát sinh (*)	Chi phí lãi vay chưa được trừ đã chuyển sang năm sau tính đến ngày	Chi phí lãi vay chưa được trừ không còn được chuyển sang năm sau đến ngày	Chi phí lãi vay chưa được trừ chưa chuyển sang năm sau tại ngày
			17/11/2025	17/11/2025	17/11/2025
2021	2026	32.382.474	(7.444.062)	-	24.938.412
2022	2027	61.553.214	-	-	61.553.214
2025	2030	40.342.506	-	-	40.342.506
		134.278.194	(7.444.062)	-	126.834.132

(*) Đây là các khoản chi phí lãi vay không được trừ thuế TNDN ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần chi phí lãi vay không được khấu trừ nêu trên do không thể dự tính được liệu chi phí lãi vay không được khấu trừ này có thể sẽ được sử dụng trong thời gian cho phép còn lại hay không.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 17 tháng 11 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 17 tháng 11 năm 2025

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát và giao dịch trọng yếu với Công ty trong kỳ này và tại ngày 17 tháng 11 năm 2025 như sau:

Bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("HAG")	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng ("Đại Thắng")	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Souk Houng Heang ("Souk Houng")	Công ty con gián tiếp (từ ngày 1 tháng 6 năm 2025)
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay ("Khăn Xay")	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao Bolaven ("Bolaven")	Công ty con gián tiếp
Chi nhánh Nguyên vật liệu - Hoàng Anh Gia Lai ("Chi nhánh Nguyên vật liệu")	Chi nhánh của công ty mẹ
Chi nhánh Cơ khí - Hoàng Anh Gia Lai ("Chi nhánh Cơ khí")	Chi nhánh của công ty mẹ
Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai ("Khách sạn HAGL")	Chi nhánh của công ty mẹ
Chi nhánh Chế biến Hoa quả - Hoàng Anh Gia Lai ("Chi nhánh Chế biến Hoa quả")	Chi nhánh của công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thủy sản Cá tầm Bolaven ("Thủy sản Cá tầm")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Cá tầm Bolaven Paksong ("Cá tầm Paksong")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Mang Yang ("Mang Yang")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai ("Chăn nuôi Gia Lai")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang ("Gia súc Lơ Pang")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thể thao LPBank Hoàng Anh Gia Lai ("Thể thao LPBank HAGL")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Lê Me ("Lê Me")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Sản xuất Bột Mì ("Bột Mì")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Chế biến thức ăn gia súc Trà Bá ("Trà Bá")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Hoàn Thịnh Attapeu ("Hoàn Thịnh")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên ("Nông nghiệp Tây Nguyên")	Công ty liên quan của Giám đốc công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Chế biến thức ăn gia súc Đông Gia Lai ("Đông Gia Lai")	Công ty liên quan của Giám đốc công ty trong cùng Tập đoàn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 17 tháng 11 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 17 tháng 11 năm 2025

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

Bên liên quan	Giao dịch	Ngân VND	
		Kỳ này	Kỳ trước
Gia súc Lơ Pang	Mua hàng hóa	426.433.759	461.660.640
	Phải thu từ HTKD	326.000.000	-
	Bán hàng hóa	72.899.073	76.816.006
	Lãi từ HTKD	9.226.150	-
	Cung cấp dịch vụ	2.701.914	812.379
Chăn nuôi Gia Lai	Bán hàng hóa	317.186.236	674.084.987
	Phải thu từ HTKD	295.000.000	-
	Mua hàng hóa	221.286.225	116.300.487
	Lãi từ HTKD	9.201.575	-
	Lãi cho vay	4.161.248	32.051.055
HAG	Cung cấp dịch vụ	240.000	1.174.329
	Góp vốn bằng khoản vay	300.000.000	-
	Cần trừ công nợ	114.531.000	-
	Chi phí lãi vay	45.040.685	37.676.129
	Cung cấp dịch vụ	340.072	178.025
	Bán hàng hóa	268.573	1.055.116
	Mua dịch vụ	49.782	87.625
	Vay	-	700.000.000
	Tăng gốc vay do cần trừ	-	36.307.300
	Thu hộ	-	20.000.000
Trà Bá	Bán hàng hóa	22.926.455	18.941.594
	Mua hàng hóa	558.396	51.076.568
	Cung cấp dịch vụ	7.930	-
	Thu hộ	-	150.700.000
Lê Me	Cho vay	212.500.170	-
	Lãi cho vay	68.282.720	54.438.516
	Tăng khoản cho vay do cần trừ	-	151.340.084
	Vay	-	109.731.616
Bột Mi	Bán hàng hóa	113.366.144	121.871.507
	Mua hàng hóa	101.066.062	43.955.679
	Cung cấp dịch vụ	3.833.789	5.579.388
	Lãi cho vay	3.239.771	1.554.283
	Cho vay	-	47.998.067
Đồng Gia Lai	Bán hàng hóa	91.390.946	100.656.926
	Mua hàng hóa	52.736.967	934.934
	Lãi cho vay	33.342.554	61.493.354

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 17 tháng 11 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 17 tháng 11 năm 2025

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Ngàn VND</i>
			<i>Kỳ trước</i>
Nông nghiệp Tây Nguyên	Mua hàng hóa	24.311.583	40.683.970
	Lãi cho vay	-	12.796.110
Đại Thắng	Mua hàng hóa	215.939.026	668.797
	Bán hàng hóa	101.653.145	77.760.963
	Lãi cho vay	994.681	477.199
	Cung cấp dịch vụ	897.378	1.177.952
	Cho vay	-	14.736.459
Thủy sản Cá tầm	Phải thu từ HTKD	180.000.000	-
	Lãi từ HTKD	2.787.411	-
	Bán hàng hóa	28.747	-
Khăn Xay	Mua hàng hóa	144.014.982	81.915.322
	Bán hàng hóa	100.486.457	62.958.085
	Cán trừ công nợ	3.748.698	-
	Cung cấp dịch vụ	-	4.014.183
Thể thao LPBank HAGL	Cho vay	12.453.440	228.832
	Lãi cho vay	403.032	577
	Bán hàng hóa	27.065	6.328
	Vay	-	17.500.000
	Chi hộ	-	600.000
	Chi phí lãi vay	-	233.471
Mang Yang	Mua hàng hóa	12.380.743	-
Chi nhánh Cơ khí	Bán hàng hóa	2.706.972	11.105.407
	Mua hàng hóa	167.702	922.530
	Mua dịch vụ	10.731	-
	Cung cấp dịch vụ	8.870	16.520
Cá tầm Paksong	Bán hàng hóa	1.398.082	-
Khách sạn HAGL	Chi phí lãi vay	219.863	250.685

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 17 tháng 11 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 17 tháng 11 năm 2025

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

		Ngàn VND	
Bên liên quan	Giao dịch	Ngày 17 tháng 11 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (TM số 5)			
Bột Mì	Bán hàng hóa	153.471.039	211.617.489
Trà Bá	Bán hàng hóa	94.864.079	
Khăn Xay	Bán hàng hóa	8.909.477	34.581.914
Cá tầm Paksong	Bán hàng hóa	1.398.514	-
Đại Thắng	Bán hàng hóa	562.704	191.134.245
Thủy sản Cá tầm	Bán hàng hóa	29.159	-
Thẻ thao LPBank HAGL	Bán hàng hóa	17.058	-
Đồng Gia Lai	Bán hàng hóa	-	194.572.923
HAG	Bán hàng hóa	-	1.882.237
		259.252.030	633.788.808
Trả trước cho người bán ngắn hạn (TM số 6)			
Gia súc Lơ Pang	Ứng trước mua hàng hóa	88.255.155	377.060.471
Bột Mì	Ứng trước mua hàng hóa	40.451.571	10.254.377
Trà Bá	Ứng trước mua hàng hóa	36.603.354	434.933.471
Khăn Xay	Ứng trước mua hàng hóa	1.286.008	31.978.604
Đại Thắng	Ứng trước mua hàng hóa	-	23.868.084
Nông nghiệp Tây Nguyên	Ứng trước mua hàng hóa	-	15.421.399
Chi nhánh Cơ khí	Ứng trước mua hàng hóa	-	4.887.192
		166.596.088	898.403.598
Phải thu về cho vay ngắn hạn (TM số 7)			
Lê Me	Cho vay	1.084.320.320	871.820.150
Chăn nuôi Gia Lai	Cho vay	61.650.000	61.650.000
Bột Mì	Cho vay	54.075.718	52.407.301
Đại Thắng	Cho vay	16.662.955	16.148.847
Thẻ thao LPBank HAGL	Cho vay	12.682.272	228.832
Đồng Gia Lai	Cho vay	-	509.991.200
		1.229.391.265	1.512.246.330

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 17 tháng 11 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 17 tháng 11 năm 2025

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

		Ngân VND	
Bên liên quan	Giao dịch	Ngày 17 tháng 11 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phải thu ngắn hạn khác (TM số 8)			
Gia súc Lơ Pang	Phải thu từ HTKD	326.000.000	-
	Lãi từ HTKD	9.226.151	-
Chăn nuôi Gia Lai	Phải thu từ HTKD	295.000.000	-
	Lãi từ HTKD	9.201.575	-
	Lãi cho vay	40.755.206	36.593.958
HAG	Cần trừ công nợ	274.317.250	-
Đại Thắng	Phải thu cổ tức	246.940.000	246.940.000
	Lãi cho vay	1.508.442	487.309
Lê Me	Lãi cho vay	208.634.178	140.351.458
Thủy sản Cá tầm	Phải thu từ HTKD	180.000.000	-
	Lãi từ HTKD	2.787.411	-
Nông nghiệp Tây Nguyên	Cần trừ công nợ	20.000.000	-
	Lãi cho vay	4.913.139	-
Bột Mì	Chi hộ	-	1.587.212
Thể thao LPBank HAGL	Lãi cho vay	403.609	577
Đồng Gia Lai	Lãi cho vay	-	452.786
		1.619.686.961	426.413.300
Phải thu dài hạn khác (TM số 8)			
Đồng Gia Lai	Lãi cho vay	-	31.549.263
Phải trả người bán ngắn hạn (TM số 13)			
Chăn nuôi Gia Lai	Mua hàng hóa	400.225.827	2.826.045
Nông nghiệp Tây Nguyên	Mua hàng hóa	38.325.532	-
Đại Thắng	Mua hàng hóa	4.815.973	189.946
HAG	Mua hàng hóa	23.664	118.142
		443.390.996	3.134.133
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (TM số 14)			
Chăn Nuôi Gia Lai	Ứng trước mua hàng hóa	80.856.040	-
Gia súc Lơ Pang	Ứng trước mua hàng hóa	19.116.016	-
Chi nhánh Cơ khí	Ứng trước mua hàng hóa	14.003.194	22.579.664
Nông nghiệp Tây Nguyên	Ứng trước mua hàng hóa	80.000	-
		114.055.250	22.579.664
Chi phí phải trả ngắn hạn (TM số 16)			
HAG	Chi phí khác	3.350	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 17 tháng 11 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 17 tháng 11 năm 2025

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

		Ngân VND	
Bên liên quan	Giao dịch	Ngày 17 tháng 11 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Chi phí phải trả dài hạn (TM số 16)			
HAG	Chi phí lãi vay	44.283.412	37.254.930
Khách sạn HAGL	Chi phí lãi vay	558.740	338.877
		44.842.152	37.593.807
Phải trả ngắn hạn khác (TM số 17)			
Trà Bá	Cần trừ công nợ	289.377.084	-
HAG	Cần trừ công nợ	35.552.263	141.345.386
Chi nhánh Cơ khí	Khác	-	106.008
Gia súc Lơ Pang	Khác	-	11.340
		324.929.347	141.462.734
Vay dài hạn đến hạn trả (TM số 18)			
Khách sạn HAGL	Vay	3.000.000	-
Vay dài hạn (TM số 18)			
HAG	Vay	400.000.000	700.000.000
Khách sạn HAGL	Vay	2.000.000	5.000.000
		402.000.000	705.000.000

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc trong kỳ như sau:

Tên	Chức vụ	Ngân VND	
		Thu nhập (*)	
		Kỳ này	Kỳ trước
Bà Nguyễn Thị Mơ	Chủ tịch	28.530	36.000
Bà Lê Thị Liễu	Thành viên	19.020	24.000
Ông Thủy Ngọc Dũng	Thành viên	19.020	24.000
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Giám đốc	-	-
Bà Lâm Thị Kiều Chinh	Phó Giám đốc	453.804	516.696
Bà Đoàn Thị Nguyên Nguyên	Phó Giám đốc	397.275	35.750
TỔNG CỘNG		917.649	636.446

(*) Bao gồm tiền lương và/hoặc các khoản thù lao khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 17 tháng 11 năm 2025

và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 17 tháng 11 năm 2025

28. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Vào ngày 11 tháng 12 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc mua 99,00% vốn góp trong Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Phú Quý Gia Lai ("Phú Quý") với số tiền là 1.344.469.500 ngàn VND. Theo đó, Phú Quý đã trở thành công ty con trong Công ty kể từ ngày này. Ngoài ra, Công ty cũng đồng thời nắm quyền kiểm soát các công ty con do Phú Quý sở hữu 91,23% tại ngày mua là Công ty TNHH Phát triển Nông Lâm nghiệp Sanamxay và Công ty TNHH MTV Phát triển Nông Lâm nghiệp Saysetha.

Phú Quý là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 5901199277, do Sở Tài chính Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu vào ngày 6 tháng 4 năm 2023. Hoạt động kinh doanh chính của Phú Quý trong kỳ là trồng cây ăn quả.

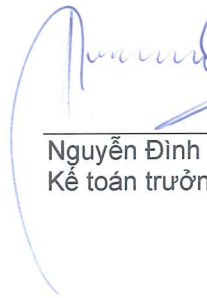
Ngoài sự kiện trên, không có các sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Trần Bửu Kiều
Người lập

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 16 tháng 4 năm 2026



Nguyễn Đình Tình
Kế toán trưởng



Võ Thị Mỹ Hạnh
Giám đốc

